

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TÂN THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74/QĐ-UBND

Phường Tân Thành, ngày 2/tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021
của phường Tân Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN THÀNH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 12901/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2021 thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị Quyết số: 22/NQ-HĐND ngày 23/7/2022 của HĐND phường Tân Thành về việc phê chuẩn Quyết toán thu, chi ngân sách HĐND phường Tân Thành năm 2021;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính- Kế toán phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2021 của HĐND phường Tân Thành

(Theo các biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Văn phòng UBND phường, Tài chính - kế toán và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC KH TP;
- Đảng ủy phường
- HĐND phường
- Các đoàn thể ở phường
- Các tổ dân phố;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mai Trường Thanh

CÁN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

| NỘI DUNG THU | QUYẾT TOÁN | NỘI DUNG CHI | QUYẾT TOÁN |
|---|----------------------|--|----------------------|
| TỔNG SỐ THU | 6 405 490 059 | TỔNG SỐ CHI | 6 404 253 130 |
| I. Các khoản thu xã hưởng 100% | 83 446 000 | I. Chi đầu tư phát triển | |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1) | 954 048 890 | II. Chi thường xuyên | 5 803 717 005 |
| III. Thu bổ sung | 5 228 831 000 | III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có) | 600 536 125 |
| - Bổ sung cân đối | 3 415 691 000 | IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên | |
| - Bổ sung có mục tiêu | 1 813 140 000 | | |
| IV. Thu kết dư ngân sách năm trước | 35 978 226 | | |
| V. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có) | 103 185 943 | | |
| | | | |
| Kết dư ngân sách | 1 236 929 | | |

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Dự toán | | Quyết toán | | So sánh (%) | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|--------------|--------------|
| | Thu NSNN | Thu NSX | Thu NSNN | Thu NSX | Thu NSNN | Thu NSX |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Tổng số thu | 6.494.003.226 | 5.827.503.226 | 7.185.701.339 | 6.405.490.059 | 109,9 | 109,9 |
| I. Các khoản thu 100% | 83.170.000 | 83.170.000 | 83.940.358 | 83.446.000 | 100,3 | 100,3 |
| - Phí, lệ phí | 40.000.000 | 40.000.000 | 31.692.000 | 31.692.000 | 79,2 | 79,2 |
| - Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác | | | | | | |
| - Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp | | | | | | |
| - Thu phạt, tịch thu khác theo quy định | | | | | | |
| - Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định | | | | | | |
| - Đóng góp của nhân dân theo quy định | 38.170.000 | 38.170.000 | 38.170.000 | 38.170.000 | 100,0 | 100,0 |
| - Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân | | | | | | |
| - Thu khác | 5.000.000 | 5.000.000 | 14.078.358 | 13.584.000 | 271,7 | 271,7 |
| - Phí thẩm định đầu tư dự án | | | | | | |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) | 1.145.000.000 | 478.500.000 | 1.732.741.812 | 954.048.890 | 199,4 | 199,4 |
| 1. Các khoản thu phân chia | 275.000.000 | 153.500.000 | 140.295.645 | 247.370.555 | 161,2 | 161,2 |
| - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 113.000.000 | 56.500.000 | 110.095.645 | 55.047.823 | 97,4 | 97,4 |
| - Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh | 32.000.000 | 32.000.000 | 30.200.000 | 30.200.000 | 94,4 | 94,4 |
| - Lệ phí trước bạ nhà, đất | 130.000.000 | 65.000.000 | | 162.122.732 | 249,4 | 249,4 |
| 2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định | 870.000.000 | 325.000.000 | 1.592.446.167 | 706.678.335 | 217,4 | 217,4 |
| - Thuế giá trị gia tăng | 250.000.000 | 75.000.000 | 186.755.580 | 56.026.705 | 74,7 | 74,7 |
| - Thuế TNDN | | | | | | |
| - Thuế thu nhập cá nhân từ đất | 500.000.000 | 250.000.000 | 1.302.741.660 | 647.443.630 | 259,0 | 259,0 |
| - Thuế thu nhập cá nhân từ hộ | 120.000.000 | | 74.740.927 | 0 | | |
| - Tiền thuê đất | | | | | | |
| - Thuế sử dụng đất nông nghiệp | | | 3.208.000 | 3.208.000 | | |
| - Thu TN từ HĐ cho thuê TS | | | 25.000.000 | | | |
| III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có) | | | | | | |
| IV. Thu chuyển nguồn | 103.185.943 | 103.185.943 | 103.185.943 | 103.185.943 | 100,0 | 100,0 |
| V. Thu kết dư ngân sách năm trước | 35.978.226 | 35.978.226 | 35.978.226 | 35.978.226 | 100,0 | 100,0 |
| VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 5.229.855.000 | 5.229.855.000 | 5.229.855.000 | 5.228.831.000 | 100,0 | 100,0 |
| - Bổ sung cân đối ngân sách | 3.415.691.000 | 3.415.691.000 | 3.415.691.000 | 3.415.691.000 | 100,0 | 100,0 |
| - Bổ sung có mục tiêu | 1.813.140.000 | 1.813.140.000 | 1.813.140.000 | 1.813.140.000 | 100,0 | 100,0 |

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

| ST T | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | | | QUYẾT TOÁN | | | SO SÁNH QT/DT(%) | | |
|---------|---|----------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|------------------|----------------------------|-----------------|
| | | TỔNG SỐ | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN | TỔNG SỐ | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN | TỔNG SỐ | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 = 4/1 | 8 = 5/2 | 9 = 6/3 |
| | TỔNG CHI | 6 404 253 130 | | 6 404 253 130 | 6 404 253 130 | | 6 404 253 130 | 100,0 | 100 | 100,0 |
| | Trong đó: | | | | | | | | | |
| 1 | Chi SN giáo dục | | | | | | | | | |
| 2 | Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ | | | | | | | | | |
| 3 | Chi SN y tế | | | | | | | | | |
| 4 | Chi văn hóa, thông tin | 18 461 500 | | 18 461 500 | 18 461 500 | | 18 461 500 | | | 100,0 |
| 5 | Chi phát thanh, truyền thanh | | | | | | | | | |
| 6 | Chi thể dục thể thao | 22 600 000 | | 22 600 000 | 22 600 000 | | 22 600 000 | 100,0 | | 100,0 |
| 7 | Chi bảo vệ môi trường | | | | | | | | | |
| 8 | Chi các hoạt động kinh tế | | | | | | | | | |
| 9 | Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | 4 862 708 905 | | 4 862 708 905 | 4 862 708 905 | | 4 862 708 905 | 100,0 | | 100,0 |
| 10 | Chi cho công tác xã hội | 860 446 600 | | 860 446 600 | 860 446 600 | | 860 446 600 | 100,0 | | 100,0 |
| 11 | Chi khác | | | | | | | | | |
| 12 | Dự phòng ngân sách | 39 500 000 | | 39 500 000 | 39 500 000 | | 39 500 000 | | | 100,0 |
| 13 | Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau | 600 536 125 | | 600 536 125 | 600 536 125 | | 600 536 125 | | | 100,0 |



THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

| NỘI DUNG | KẾ HOẠCH | | | THỰC HIỆN | | |
|--|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | THU | CHI | CHÊNH LỆCH | THU | CHI | CHÊNH LỆCH |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| TỔNG SỐ | 233.616.503 | 233.616.503 | 109.606.903 | 233.616.503 | 124.009.600 | 109.606.903 |
| 1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách | 233.616.503 | 233.616.503 | 109.606.903 | 233.616.503 | 124.009.600 | 109.606.903 |
| + Quỹ Bảo trợ trẻ em | 15.966.800 | 15.966.800 | 10.066.800 | 15.966.800 | 5.900.000 | 10.066.800 |
| + Quỹ Đền ơn Đáp nghĩa | 66.704.903 | 66.704.903 | 46.604.903 | 66.704.903 | 20.100.000 | 46.604.903 |
| + Quỹ Hội chữ thập đỏ | 21.913.000 | 21.913.000 | 13.303.000 | 21.913.000 | 8.610.000 | 13.303.000 |
| + Quỹ Khuyến học | 26.964.300 | 26.964.300 | 3.609.300 | 26.964.300 | 23.355.000 | 3.609.300 |
| + Quỹ Vì người nghèo | 44.130.000 | 44.130.000 | 41.930.000 | 44.130.000 | 15.600.000 | 41.930.000 |
| + Quỹ Phòng chống Thiên tai | 20.275.000 | 20.275.000 | | 20.275.000 | 20.275.000 | |
| + Quỹ chăm sóc NCT | 37.662.500 | 37.662.500 | 7.492.900 | 37.662.500 | 30.169.600 | 7.492.900 |
| 2. Các hoạt động sự nghiệp | | | | | | |

Tân Thành, ngày 21 tháng 8 năm 2022

CÔNG KHAI THUYẾT MINH
**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện quyết toán ngân sách
phường Tân Thành năm 2021**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23/7/2022 của HĐND phường Tân Thành về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách phường Tân Thành năm 2021.

UBND phường thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện quyết toán ngân sách năm 2021 như sau:

1. Thu ngân sách năm 2021:

- Các khoản thu hưởng điều tiết đạt 1.037,5 triệu đồng/523,5 triệu đồng = 198% dự toán. Trong đó, một số khoản thu đạt tỷ lệ cao như thu phí lệ phí đạt 110,76%, thuế giá trị gia tăng đạt 119%, lệ phí trước bạ nhà đất đạt 249,4%; thuế thu nhập cá nhân từ đất 259% dự toán...

- Thu các loại quỹ hoạt động tài chính khác: 129,4 triệu đồng.

2. Chi ngân sách năm 2021:

Tổng chi thường xuyên ngân sách đạt 6.404,2 triệu đồng/6.405,5 triệu đồng = 99,98% dự toán.

Chi các quỹ tài chính khác 166 triệu đồng

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân năm 2021:

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2021 UBND xã đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2021 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm tiếp theo của năm.

Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.



Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong năm 2021 công tác tài chính - ngân sách của phường Tân Thành gặp phải một số khó khăn như: Nhận thức của người dân về việc tự kê khai và kê khai nghĩa vụ nộp thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh chưa cao như thuế vận tải, thuế xây dựng nhà ở ởowrhoj gia đình...

Trong năm 2021, UBND xã thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước, bổ sung kịp thời các khoản bổ sung có mục tiêu để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng. Nói chung, năm 2021 đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

KẾ TOÁN



Tạ Thanh Tùng

CHỦ TỊCH UBND



Mai Trường Thanh